

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15 / 8 / 2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Hiền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 272/2016/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2016 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 060/4, tổ 4, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2016 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Kiều T trình bày:

Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 30/9/2008, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà Phạm Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 29/9/2009 hiện do bà Phạm Thị Kiều T đang nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Kiều T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Kiều T khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Hoàng T nhiều lần nhưng ông Nguyễn Hoàng T không đến Tòa án để làm việc.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án do ông Nguyễn Hoàng Tuấn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên còn để án quá hạn xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm pháp luật, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo giấy tập mà không có lý do chính đáng.

- Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của bà Phạm Thị Kiều T, biên bản xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà Phạm Thị Kiều T yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

Về con chung, bà Phạm Thị Kiều T đã nuôi dạy cháu Nguyễn Hoàng D từ năm 2012 cho đến nay, cháu Nguyễn Hoàng D cũng có nguyện vọng được sống

cùng với bà Phạm Thị Kiều T. Do đó bà Phạm Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng D là có căn cứ.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 30/9/2008 đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà Phạm Thị Kiều T thì bà và ông Nguyễn Hoàng T phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T được biết hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2012, hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và bà Phạm Thị Kiều T đã về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T không quan tâm chăm sóc nhau, không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần ông Nguyễn Hoàng T để hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng ông Nguyễn Hoàng T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà Phạm Thị Kiều T vẫn cương quyết xin ly hôn, do đó bà Phạm Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Nguyễn Hoàng T có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 29/9/2009, hiện do bà Phạm Thị Kiều T đang nuôi dạy. Xét thấy, bà Phạm Thị Kiều T đã nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng D khi bà và ông Nguyễn Hoàng T sống ly thân từ năm 2012 cho

đến nay, bà Phạm Thị Kiều T hiện đang là Giáo viên, có chỗ ở, thu nhập ổn định, cháu Nguyễn Hoàng D cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà Phạm Thị Kiều T. Do đó bà Phạm Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng D là có căn cứ, đảm bảo cho lợi ích của cháu Nguyễn Hoàng D. Bà Phạm Thị Kiều T không cầu ông Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Kiều T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 29/9/2009. Ông Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0011392 ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

Nguyễn Văn Tâm

Trình Quốc Toàn

Lương Ngọc Dũng

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng